

BÁO CÁO THẨM TRA

**Về các dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách
trình kỳ họp thứ Mười - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX**

Thực hiện phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đã họp thẩm tra các dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách trình tại kỳ họp thứ Mười - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

**I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI
HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Trên cơ sở Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương. Tại kỳ họp lần thứ 16 - HĐND tỉnh khóa VIII đã thông qua Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND8 ngày 21 tháng 7 năm 2015 về việc quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Ngày 28/3/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/5/2018*) thay thế cho Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT, theo đó bổ sung nội dung và tăng mức hỗ trợ kinh phí, do đó, Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND8 ngày 21 tháng 7 năm 2015 của HĐND tỉnh không còn phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương, tỉnh cần ban hành văn bản quy định mới để thay thế nhằm tiếp tục thực hiện chính sách khuyến công.

Căn cứ Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quy định “*Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các nội dung và mức hỗ trợ khác ngoài các nội dung quy định tại Thông tư này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương*”.

Từ những quy định trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động

khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

2. Về nội dung của Dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy:

a) Về đối tượng được hỗ trợ: Phù hợp với quy định về đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 2 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

b) Về nội dung chi gồm: (1) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện; (2) Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh; (3) Chi hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Phát triển công nghiệp và cơ sở công nghiệp nông thôn. Ban nhận thấy các nội dung chi phù hợp với quy định của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và một số nội dung chi được kế thừa từ Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND8 ngày 21/7/2015 như chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện; chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn; chi hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

c) Về mức chi:

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy các mức chi đã được nghiên cứu, tính toán trên cơ sở kết hợp giữa kết quả thực hiện qua các năm và tình hình thực tế hiện nay; có tham khảo mức chi của một số địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng (tỉnh Đồng Nai và một tỉnh khác). Đồng thời, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và quy định của pháp luật hiện hành.

Với các nội dung trên, việc ban hành Nghị quyết này có ý nghĩa quan trọng trong việc động viên và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

d) Về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết kể từ ngày 01/9/2019.

3. Về thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh đã phân công, điều hành việc thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết này đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

II. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÂN CẤP THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Trên cơ sở Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, ngày 05/3/2018 Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2018/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân¹. Tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP có quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với: 05 trường hợp cụ thể² và Khoản 7 Khoản 8 Điều 7 Nghị định 29/2018/NĐ-CP quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện và Cục Trưởng Cục Hải quan.

Đồng thời tại Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, có quy định:

- Điểm c, Khoản 1: Về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định: *“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu.”*

- Điểm c Khoản 2: Về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu và Điểm c Khoản 3: Về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác

¹ Thay thế Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và Nghị định số 96/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ về việc xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Việt Nam.

² a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều này.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng cũng quy định tương tự như Điểm c Khoản 1. Ngoài ra, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tái sản còn được quy định tại Điểm d Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7...

Từ những quy định trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

2. Về nội dung của Dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Dự thảo Nghị quyết này ban hành quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết có 4 điều, tập trung quy định về thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Dương; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Dương; phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Các nội dung phân cấp được thể hiện theo đúng quy định của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; các loại tài sản và mức giá trị tài sản được phân cấp cho các đối tượng được xác định rõ và phù hợp với năng lực của người có thẩm quyền quyết định và các quy định pháp luật hiện hành. Việc phân cấp như dự thảo Nghị quyết nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết kể từ ngày 01/9/2019.

3. Về thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh đã phân công, điều hành việc thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết này đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI,

MỨC CHI THỰC HIỆN CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, quy định: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 3 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu tính chất phức tạp của cuộc Điều tra thống kê, địa bàn Điều tra thống kê khó khăn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định một số mức chi cao nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 3 Thông tư này*”.

Do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung của Dự thảo Nghị quyết

Nội dung dự thảo nghị quyết theo Tờ trình của UBND tỉnh có các nội dung chính như sau:

- Mức chi lấy ý kiến chuyên gia về phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra (tối đa không quá 05 chuyên gia), nhà quản lý (trường hợp không thành lập Hội đồng) về việc điều tra, thống kê, khảo sát thu thập số liệu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Cấp tỉnh là 500.000 đồng/bài viết, cấp cơ sở là 400.000 đồng/bài viết.

- Mức chi viết báo cáo kết quả điều tra về việc điều tra, thống kê, khảo sát thu thập số liệu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Cấp tỉnh là 05 triệu - 08 triệu đồng/báo cáo, cấp cơ sở là 04 triệu - 6,4 triệu đồng/báo cáo.

- Mức chi đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra, cụ thể:

- + Chi cho đối tượng là cá nhân cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra thì mức chi đối với cấp tỉnh bằng 95% quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở bằng 80% đối với nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh.

- + Chi cho đối tượng là Tổ chức cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra gồm: Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định) thì mức chi đối với cấp tỉnh bằng 95% quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở bằng 80% đối với nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; Đối với các cơ quan, đơn vị của nhà nước thì mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50%

mức chi quy định đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)

- Mức chi lập mẫu phiếu điều tra thống kê: Mức chi đối với cấp tỉnh bằng 10% quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở bằng 70% đối với nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh (cấp tỉnh là 03 triệu đồng/phiếu mẫu được duyệt, cấp cơ sở là 02 triệu đồng/phiếu mẫu được duyệt).

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương như trên là phù hợp với tình hình thực tế địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành³.

Về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết kể từ ngày 01/9/2019.

3. Về thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh đã phân công, điều hành việc thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết này đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

IV. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 51/2016/NQ-HĐND9 NGÀY 16/12/2016 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG VỀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 VÀ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành⁴, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020.

³ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia.

⁴ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017, ngày 16/12/2016, Nghị định 163/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và Thông tư 342/2016/TT-BTC Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Qua 02 năm triển khai thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND9 của HĐND tỉnh, các định mức chi cơ bản đáp ứng được yêu cầu hoạt động cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và thực hiện tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện có nhiều nguyên nhân làm ảnh hưởng đến định mức chi, cụ thể: Chỉ số giá tiêu dùng; các chế độ, chính sách mới được ban hành, tinh giản bộ máy, tinh giản biên chế... Do đó, số lượng biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh giảm so với đầu năm 2017.

Mặt khác, Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật có quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó...”*

Vì những lý do trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung của Dự thảo Nghị quyết

Theo nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020, gồm: Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Mục I và Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Mục I; Sửa đổi, bổ sung Mục II và bổ sung Mục IX của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND9. Nội dung cụ thể như sau:

- Đối với số biên chế chưa tuyển so với biên chế được giao: Điều chỉnh từ hệ số lương 2,34 thành hệ số lương bậc 1 ngạch cán bộ công chức, viên chức tương ứng theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Điều chỉnh tăng định mức khoán hoạt động của cấp tỉnh từ mức 50 triệu đồng/biên chế được giao/năm lên 65 triệu đồng/biên chế được giao/năm và điều chỉnh tăng mức khoán của cấp huyện từ mức 45 triệu đồng/ biên chế được giao/năm lên 60 triệu đồng/biên chế được giao/năm.

- Chuyển các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên về tuyển huyện quản lý và giữ nguyên định mức khoán.

- Điều chỉnh tăng định mức khoán đối với học sinh trường tạo nguồn và trường có lớp tạo nguồn từ 400 ngàn đồng/học sinh/năm học lên 600 ngàn đồng/học sinh/năm học và điều chỉnh tăng định mức khoán đối với giáo viên trường tạo nguồn từ 20 triệu đồng/người/năm lên 24 triệu đồng/người/năm.

- Bổ sung định mức khoán đối với hợp đồng 68/2000/NĐ-CP và các nhân viên cấp dưỡng làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập có tổ chức bán trú (được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu hàng năm) với mức khoán là 20 triệu đồng/người/năm.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên là đúng hướng dẫn, quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Bình Dương. Việc sửa đổi, bổ sung một số định mức chi nhằm đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Về thời điểm có hiệu lực của của Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết kể từ ngày 01/9/2019.

3. Về thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh đã phân công, điều hành việc thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết này đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

V. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI KINH PHÍ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Tại Điểm e, g Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông và Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông có quy định: *“Trường hợp địa phương thành lập Ban An toàn giao thông tại quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định, đảm bảo phù hợp trên cơ sở nội dung quy định tại Thông tư này”* và *“Chi thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm TTATGT do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.”*

Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo

trật tự an toàn giao thông có quy định: “Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công an, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.

Để có cơ sở thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông đảm bảo thống nhất trong toàn tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương thì việc ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết này là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung của Dự thảo Nghị quyết

Dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình gồm có 02 nội dung, cụ thể như sau:

- Nội dung chi kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Dương bao gồm 19 nội dung chi cụ thể được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính.

- Mức chi kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Dương được phân thành 3 nhóm cụ thể như sau:

- + Nhóm 1: Đối với các mức chi đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC: Áp dụng theo quy định của Thông tư số 01/2018/TT-BTC.

- + Nhóm 2: Mức chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết: Áp dụng mức chi cao nhất tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 của Thông tư số 01/2018/TT-BTC.

- + Nhóm 3: Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp và trong dự toán được giao.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy nội dung chi, mức chi theo dự thảo Nghị quyết là phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương.

Về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết kể từ ngày 15/8/2019.

3. Về thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh đã phân công, điều hành việc thực hiện quy trình ban hành Nghị quyết này đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm

2015. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật của Ban Kinh tế - Ngân sách. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên của TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. HĐND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp (4);
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
HỘI ĐỒNG BAN



Nguyễn Tâm Dương